

Số: 22 /2023/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/08/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo số 114/TB-UBND ngày 31/5/2023 của UBND tỉnh về kết quả phiên họp UBND tỉnh tháng 5 năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 35/BC-STP ngày 02/3/2023 và Sở Tài chính tại Tờ trình số 200/TTr-STC ngày 21/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về hình thức, tỷ lệ, thời gian thu hồi kinh phí quay vòng vốn; việc quản lý, sử dụng, luân chuyển kinh phí quay vòng; quy trình theo dõi, giám sát hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng đối với việc sử dụng kinh phí quay vòng; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc... theo phân cấp tại Khoản 5, Điều 40, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/04/2022 của Chính phủ về việc quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện cơ chế quay vòng vốn

1. Việc quay vòng một phần vốn đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để thực hiện dự án, đảm bảo phù hợp với từng dự án được phê duyệt và điều kiện cụ thể của từng hộ hoặc nhóm hộ tham gia dự án. Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do dịch bệnh, thiên tai dẫn đến không có kết quả đầu ra theo kế hoạch, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án xem xét, quyết định việc gia hạn thời gian quay vòng hoặc dừng việc thu hồi, quay vòng vốn theo thẩm quyền.

2. Đảm bảo công khai, dân chủ, bình đẳng giới, có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng, thực hiện dự án và thu hồi, quay vòng vốn.

3. Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện cơ chế quay vòng.

Điều 3. Hình thức, tỷ lệ quay vòng và thời gian thu hồi vốn quay vòng

1. Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền hoặc hiện vật.

2. Tỷ lệ quay vòng (*tỷ lệ thu hồi theo số vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để thực hiện dự án*):

a) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn có bao gồm các xã được phân loại là khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTG ngày 04/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025: Tỷ lệ thu hồi vốn là 20% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án thuộc diện hỗ trợ theo quy định.

b) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn còn lại: Tỷ lệ thu hồi vốn là 30% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án thuộc diện hỗ trợ theo quy định.

3. Thời gian thu hồi: Tối đa không quá 03 tháng kể từ khi kết thúc dự án theo quyết định đầu tư.

4. Tỷ lệ quay vòng, thời gian thu hồi phải được thể hiện rõ trong quyết định phê duyệt dự án.

5. Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do dịch bệnh, thiên tai dẫn đến không có kết quả đầu ra theo kế hoạch, người có thẩm quyền phê duyệt dự án xem xét, quyết định điều chỉnh dự án và gia hạn thời gian thu hồi vốn quay vòng. Cụ thể:

a) Các trường hợp thiệt hại từ 30% đến dưới 50% do các nguyên nhân khách quan nêu trên: thời gian gia hạn tối đa 12 tháng.

b) Các trường hợp thiệt hại từ 50% đến dưới 70% do các nguyên nhân khách quan nêu trên: thời gian gia hạn tối đa 12 tháng, tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng bằng 50% so với số phải thu hồi.

c) Các trường hợp thiệt hại trên 70% do các nguyên nhân khách quan nêu trên: không thu hồi vốn đã hỗ trợ.

6. Cách thức xác định mức độ thiệt hại theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

Điều 4. Quản lý, sử dụng, luân chuyển vốn quay vòng

1. Thẩm quyền thu hồi vốn quay vòng:

a) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc thu hồi kinh phí ngân sách nhà nước đã hỗ trợ theo dự án được duyệt để thực hiện luân chuyển cho dự án khác được duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ thu hồi vốn quay vòng cho đơn vị được giao kinh phí thực hiện dự án (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã).

c) Kết thúc dự án: Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi số vốn quay vòng thực hiện dự án làm cơ sở để các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thu hồi vốn hỗ trợ.

2. Quản lý và sử dụng, luân chuyển vốn quay vòng:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước để thu hồi vốn quay vòng hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:

- Tên tài khoản: Quỹ quay vòng vốn hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất cộng đồng.

- Chủ tài khoản: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Nơi mở tài khoản: Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

b) Tiền hoặc hiện vật thu hồi được sử dụng để quay vòng cho các dự án mới được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để hỗ trợ thực hiện các dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Hằng năm căn cứ dự toán ngân sách nhà nước giao thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn Quỹ quay vòng: Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị để triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định.

d) Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện hạch toán kế toán, quản lý, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước giao theo quy định. Thực hiện mở sổ theo dõi riêng việc sử dụng nguồn Quỹ quay vòng được cấp và định kỳ thực hiện chế độ báo cáo tình hình sử dụng nguồn kinh phí về Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

Điều 5. Quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án, bao gồm số kinh phí, hiện vật thu hồi, thời gian thu hồi để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

2. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng.

3. Cộng đồng dân cư triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án định kỳ hàng tháng, sơ kết năm và tổng kết dự án, gửi cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hướng dẫn, giám sát việc triển khai dự án của cộng đồng dân cư; thực hiện nghiệm thu và thanh toán, giải ngân vốn cho cộng đồng dân cư căn cứ kết quả nghiệm thu từng giai đoạn, hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Tổ chức chính trị- xã hội trên địa bàn cấp xã có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện dự án của cộng đồng dân cư, kịp thời thông tin, kiến nghị với Ủy ban nhân dân cấp xã những tồn tại, vướng mắc trong tổ chức thực hiện của cộng đồng dân cư; tổng hợp báo cáo, kiến nghị giải quyết theo thẩm quyền.

7. Cộng đồng dân cư tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng dân cư không đủ năng lực quản lý, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.

8. Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn bằng tiền hoặc hiện vật để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định thu hồi vốn bằng tiền hoặc bán hiện vật thu tiền nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị mở tại kho bạc nhà nước để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án, phương án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) hoặc thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

9. Các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công khai tài chính thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có việc thu hồi, quản lý và sử dụng kinh phí thu hồi để quay vòng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Các cơ quan chủ quản thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh gồm: Ban Dân tộc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện quy định này và tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ, 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh về kết quả thực hiện cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với Sở, ngành chủ quản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm.

b) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện cơ chế quay vòng.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Căn cứ dự toán tỉnh giao để phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định.

b) Tổ chức thẩm định, phê duyệt nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng phù hợp theo yêu cầu Quy định này;

c) Có trách nhiệm kiểm tra, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế quay vòng.

d) Hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ của chủ đầu tư;

đ) Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất kết quả thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện; kết quả hoạt động quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ (dưới dạng tiền mặt hoặc hiện vật) để luân chuyển trong cộng đồng.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

b) Đôn đốc, hướng dẫn các hộ gia đình tham gia dự án tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng đảm bảo tỷ lệ, đúng thời hạn theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phối hợp, hỗ trợ thực hiện hoạt động giám sát theo quy định;

d) UBND cấp xã theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị UBND cấp huyện các nội dung vướng mắc có liên quan.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025.

2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 30/6/2023.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan có liên quan, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung.

5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (B/c);
 - Bộ Công Thương (B/c);
 - Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp (B/c);
 - TT TU, TT HĐND tỉnh (B/c);
 - Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Đại biểu HĐND tỉnh;
 - Như Điều 7;
 - Các Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
 - Các CPVP UBND tỉnh;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Báo Vĩnh Phúc;
 - Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
 - Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
 - Công thông tin giao tiếp điện tử tỉnh;
 - CV NCTH;
 - Lưu: VT.
- (Ng- b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



vũ Việt Văn